

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22/8/2025

*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Đình.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Khắc Thiện.

2. Ông: Nguyễn Xuân Hoàng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Quàng Văn Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 28/2025/HNGĐ-ST ngày 16/6/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-DS ngày 28/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giàng Thị T - Sinh năm: 1987 – Có mặt.

Địa chỉ: Bản H T 2, xã Huổi Lèng, huyện Mường Chà, (nay xã Mường Tùng), tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh Giàng A C - Sinh năm: 1986 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản H T 2, xã Huổi Lèng, huyện Mường Chà, (nay xã Mường Tùng), tỉnh Điện Biên.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lý A Chía – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 14/4/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Giàng Thị T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Giàng Thị T và anh Giàng A C, khoảng năm 2006, quen biết, qua tìm hiểu yêu thương nhau một thời gian, muốn được về chung sống với nhau, anh

chị báo cáo hai bên gia đình, được sự đồng ý của hai bên gia đình anh chị tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương về chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn với nhau theo quy định. Việc anh chị về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hoặc lừa dối. Anh chị về chung sống với nhau hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì, cho đến thời gian gần đây giữa vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C không như trước đây, anh C không còn chịu khó lao động sản xuất, thường xuyên uống rượu, đi uống rượu về thì chửi bới, vợ con, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh chị đã được anh em họ hàng hai bên hòa giải, khuyên nhủ rất nhiều lần nhưng anh C không chịu sửa tính, do không chịu đựng được chị đã bỏ ra ở riêng, hiện anh chị sống ly thân với nhau, trong cuộc sống hàng ngày không còn quan tâm đến nhau. Nay chị thấy không thể tiếp tục chung sống với anh C, không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C theo quy định của pháp luật.

- **Về con chung:** Chị T và anh C có 02 con chung cháu Giàng Thành Long, sinh ngày 02/9/2009 và cháu Giàng Kiều Linh, sinh ngày 07/11/2014. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả hai con chung, cho đến khi các con đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động, chị T không yêu C anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- **Về tài sản chung:** Trong thời gian chung sống chị T và anh C có những tài sản sau:

- 01 nhà gỗ cột kê ba gian, thung ván, lợp Proximang diện tích khoảng 50m², trị giá nhà 40.000.000 đồng;

- 04 thửa ruộng (diện tích khoảng 300m²) trị giá 100.000.000 đồng; Tù cạnh giáp như sau: Đông giáp với suối; Tây giáp với rừng; Bắc giáp với suối; Nam giáp với suối. Ruộng ở khu Làng Lay thuộc bản Trung Đình, xã Huổi Lèng. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 01 con trâu đực 5 năm tuổi lông màu đen, trị giá khoảng 20.000.000đ;

- 01 con bò cái lông màu vàng 9 năm tuổi, trị giá 12.000.000 đồng và 01 con bê lông màu vàng 09 tháng tuổi, trị giá 1.000.000 đồng;

- 01 xe mô tô màu đỏ hãng HONDA loại xe RSX (không nhớ biển kiểm soát) có giá 14.000.000 đồng (hiện tại chồng đang sử dụng).

- 01 máy xát thóc, trị giá 5.000.000 đồng (Vẫn sử dụng bình thường);

- Vụ mùa năm 2024, thu được và hiện còn 20 bao thóc, 05 bao tải ngô hạt và 3 thùng ngô hạt (thùng nhựa màu xanh, loại 220 lít).

Về tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu C Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Chị T và anh C không nợ ai, không yêu C Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Giàng A C vắng mặt tuy nhiên tại bản tự khai ngày 20/6/2025 cũng như trong quá trình giải quyết anh trình bày:**

- **Về hôn nhân:** Anh và chị Giàng Thị T, qua tìm hiểu yêu nhau một thời gian thì được sự đồng ý của hai bên gia đình đến năm 2006 anh chị tổ chức đám cưới

theo phong tục tập quán của địa phương về chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn với nhau. Việc anh chị về chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày giữa vợ chồng không thể tránh khỏi việc xảy ra cãi nhau, nhưng đó chỉ là cãi nhau trong việc sinh hoạt hàng ngày chưa đến mức yêu C Tòa án giải quyết ly hôn với nhau. Nay chị T yêu C Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh là anh không đồng ý ly hôn với chị T, anh mong chị T rút lại yêu C khởi kiện quay về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị T cứ cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- **Về con chung:** Anh C và chị T có 02 con chung cháu Giàng Thành Long, sinh ngày 02/9/2009 và cháu Giàng Kiều Linh, sinh ngày 07/11/2014. Nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả hai con cho đến khi các con đủ tuổi thành niên và có đủ khả năng lao động, anh không yêu C chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

- **Về tài sản chung:** Trong thời gian chung sống anh chị có tạo lập được những tài sản sau:

- 01 nhà gỗ cột kê tầng ba gian, thưng ván, lợp Proximang diện tích khoảng 50m², trị giá nhà 40.000.000 đồng;

- 04 thửa ruộng (diện tích khoảng 300m²) trị giá 100.000.000 đồng; Tù cạnh giáp như sau: Đông giáp với suối; Tây giáp với rừng; Bắc giáp với suối; Nam giáp với suối. Ruộng ở khu Làng Lay thuộc bản Trung Đình, xã Huổi Lèng. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 01 con trâu đực 5 năm tuổi lông màu đen, trị giá khoảng 20.000.000đ;

- 01 con bò cái lông màu vàng 9 năm tuổi, trị giá 12.000.000 đồng và 01 con bê lông màu vàng 09 tháng tuổi, trị giá 1.000.000 đồng;

- 01 xe mô tô màu đỏ hãng HONDA loại xe RSX (không nhớ biển kiểm soát) có giá 14.000.000 đồng (hiện tại chồng đang sử dụng).

- 01 máy xát thóc, trị giá 5.000.000 đồng (Vẫn sử dụng bình thường);

- Vụ mùa năm 2024, thu được và hiện còn 20 bao thóc, 05 bao tải ngô hạt và 3 thùng ngô hạt (thùng nhựa màu xanh, loại 220 lít).

- 01 đầu máy khâu trị giá khoảng 2.000.000 đồng.

- 01 vòng cổ mẹ đẻ của tôi cho tôi, hiện cô T đang giữ đây là tài sản riêng của tôi, tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc cô T trả lại cho tôi.

Về những tài sản chung của vợ chồng nếu phải ly hôn anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu C Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh chị không nợ ai, không yêu C Tòa án giải quyết.

* Về nguyện vọng của các cháu Giàng Thành Long, sinh ngày 02/9/2009 nếu bố mẹ của cháu ly hôn với nhau cháu có nguyện vọng muốn được ở cùng với bố. Nguyện vọng cháu Giàng Kiều Linh, sinh ngày 07/11/2014 nếu bố mẹ của cháu ly hôn với nhau cháu có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án TAND khu vực 4 - Điện Biên phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành xác minh quá trình chung sống của chị T và anh C tại bản H T 2, xã Mường Tùng, tỉnh Điện Biên. Chị T và anh C về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, hiện anh chị sống ly thân với nhau. Chị T và anh C hiện đều có đủ sức khỏe để lao động sản xuất và đều đang làm ruộng, nương tại địa phương, thu nhập hàng tháng đủ ăn, cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi con ngang nhau. Trong quá trình hòa giải anh chị đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con chung, việc anh chị thỏa thuận người trực tiếp nuôi con chung phù hợp nguyện vọng của các cháu Long và Linh.

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lý A Chia trình bày:** Ông nhất trí với phần trình bày của nguyên đơn, không nhất trí với phần trình bày của bị đơn.

- **Về hôn nhân:** Trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng chị T và anh C đã không còn tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng không còn tôn trọng nhau, do không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị T bỏ về nhà ra ở riêng, hiện anh chị sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh C không thể hàn gắn lại được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy đề nghị áp dụng Luật hôn nhân và gia đình và Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị T và anh Giàng A C.

- **Về con chung:** Anh C và chị T có 02 con chung cháu Giàng Thành Long, sinh ngày 02/9/2009 và cháu Giàng Kiều Linh, sinh ngày 07/11/2014. Trong quá trình hòa giải anh chị đã thỏa thuận thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con, phù với nguyện vọng các cháu. Do đó đề nghị ghi nhận của anh C và chị T.

- **Về tài sản chung:** Anh C và chị T sẽ tự thỏa thuận với nhau, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- **Về nợ chung:** Chị T và anh C không nợ ai, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị T và anh Giàng A C.

- **Về con chung:** Anh C và chị T có 02 con chung cháu Giàng Thành Long, sinh ngày 02/9/2009 và cháu Giàng Kiều Linh, sinh ngày 07/11/2014. Xét về nguyện vọng của các cháu, nguyện vọng của chị T, anh C và hoàn cảnh thực tế của chị T anh C và trong quá trình giải quyết anh chị đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, thỏa thuận của anh chị phù hợp nguyện vọng của các cháu, nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh C.

- **Về tài sản chung:** Chị T và anh C đều khai là khi ly hôn sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu C Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết.

- **Về nợ chung:** Chị T và C đều khai không có, không yêu C giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- **Về án phí:** Theo quy định chị Giàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị Giàng Thị T là dân tộc thiểu số, sinh sống nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, chị T xin miễn án phí, đề nghị căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn và bị đơn cùng trú tại bản H T 2, xã Huổi Lèng, huyện Mường Chà, (nay thuộc bản H T 2, xã Mường Tùng) tỉnh Điện Biên. Vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Giàng A C có đơn đề nghị Tòa án xem xét, xét xử vắng mặt vì công việc gia đình không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết, xét xử vụ án (đề nghị của anh C được thể hiện tại đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đề nghị này của anh Giàng A C là có cơ sở cần được chấp nhận. Chị Giàng Thị T có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Giàng A C theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Giàng Thị T và anh Giàng A C về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2006, chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn là có thật. Đến thời điểm chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị Giàng Thị T có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016

của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị T và anh Giàng A C.

[3]. Về con chung: Anh C và chị T có 02 con chung cháu Giàng Thành Long, sinh ngày 02/9/2009 và cháu Giàng Kiều Linh, sinh ngày 07/11/2014.

Xét nguyện vọng của các cháu Giàng Thành Long và cháu Giàng Kiều Linh, tại kết quả xác minh tại chính quyền địa phương về điều kiện nuôi con và tại buổi hòa giải ngày 04/7/2025 anh chị thỏa thuận, thống nhất với nhau về người trực tiếp nuôi con phù hợp với nguyện vọng của các con đã đủ từ 7 tuổi trở lên. Cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị. Giao cháu Giàng Thành Long, sinh ngày 02/9/2009 cho anh Giàng A C trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Giàng Kiều Linh, sinh ngày 07/11/2014 cho chị Giàng Thị T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị T không yêu cầu, anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

Chị Giàng Thị T và anh Giàng A C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung: Chị Giàng Thị T và anh Giàng A C đều khai, về tài sản chung của vợ, anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh C đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Những đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[7]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Điện Biên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì chị Giàng Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị Giàng Thị T là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị T xin miễn án phí nên áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T là phù hợp.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị T và anh Giàng A C.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Giàng Thị T và anh Giàng A C như sau:

Giao cháu Giàng Thành Long, sinh ngày 02/9/2009 cho anh Giàng A C trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Giàng Kiều Linh, sinh ngày 07/11/2014 cho chị Giàng Thị T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị T không yêu C, anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh C không yêu C chị T cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

Chị Giàng Thị T và anh Giàng A C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu C.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Giàng Thị T.

* Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Giàng Thị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2025). Bị đơn anh Giàng A C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS khu vực 4;
- Thi hành án tỉnh Điện Biên;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Đình

